

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

**Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

-----

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

Quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 06-NQ/TW tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW phù hợp với tình hình thực tế từng địa phương, đơn vị gắn với thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các huyện, thành phố nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thống nhất nhận thức và hành động trong hoàn thiện thể chế, quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong, dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực phát triển là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cả hệ thống chính trị.

**2. Yêu cầu**

Đổi mới tư duy, lý luận và phương pháp quy hoạch đô thị; bảo đảm quy hoạch đô thị phải có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm; văn hóa và văn minh đô thị làm nền tảng phát triển; kết hợp hài hòa giữa quá trình đô thị hoá, phát triển đô thị với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới và quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ban hành các cơ chế, chính sách có tính đột phá vượt trội cho phát triển đô thị bền vững, thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả. Bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, phát triển đô thị gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ và liên kết vùng, bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy; phát triển mạnh mẽ liên kết ngành, liên kết vùng và lợi thế kết nối đa chiều của các đô thị.

Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, phù hợp giữa 03 phân vùng đô thị của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa nội vùng và ngoại vùng, gắn kết Lâm Đồng với các tỉnh Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ, Miền Đông Nam bộ; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; có tính kết nối cao giữa các đô thị. Lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ trở thành một trong những đô thị chức năng có động lực phát triển trong vùng.

Phát huy và khai thác tốt các nguồn lực từ chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị. Tạo mọi điều kiện và khuyến khích các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển đô thị. Xử lý nghiêm minh đối với các sai phạm, vi phạm trong thực hiện quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị.

## II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

- Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2025 đạt trên 54%, đến năm 2030 đạt trên 58,8%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh đạt khoảng 1,5 - 2% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 2 - 2,5%.

- Số lượng đô thị toàn tỉnh năm 2025 là 19 đô thị (01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 06 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và cụm 03 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V; đến năm 2030 là 22 đô thị (01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 03 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và 02 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục - đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị.

- Tập trung huy động nguồn lực phát triển các đô thị gắn với động lực của từng vùng. Mở rộng không gian đô thị thành phố Đà Lạt, cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế Nam Tây nguyên; là một vùng đô thị hiện đại, đẳng cấp quốc tế; có đặc thù về khí hậu, cảnh quan tự nhiên, văn hóa lịch sử, di sản kiến trúc tầm quốc gia, khu vực và có ý nghĩa quốc tế. Thành phố Bảo Lộc là đô thị hạt nhân phía Nam tỉnh Lâm Đồng, trung tâm kết nối giao thương của vùng tỉnh với vùng thành phố Hồ Chí Minh, vùng Tây Nguyên và vùng Duyên hải Nam Trung bộ. Đô thị Đức Trọng là cửa ngõ giao thương quốc tế của vùng và quốc gia; trung tâm nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao tầm quốc gia và quốc tế; trung tâm công nghiệp dược, mỹ phẩm cấp vùng. Đô thị Di Linh là đô thị trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng, trung chuyển hàng hóa trong tỉnh và vùng Tây Nguyên, vùng duyên hải Nam Trung bộ. Đô thị Mađaguôi là trung tâm động lực kinh tế - xã hội 03 huyện phía Nam của tỉnh. Gắn phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới, từng bước xây dựng các đô thị xanh, thông minh.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 08 - 12% vào năm 2025, 12 - 20% vào năm 2030. Tỷ lệ cấp nước đô thị trên 80% vào năm 2025, trên 90% vào năm 2030. Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 95% vào

năm 2025, 100% trước năm 2030. Diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt khoảng 8 - 10m<sup>2</sup> vào năm 2025, khoảng 10 - 15 m<sup>2</sup> vào năm 2030. Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28m<sup>2</sup> vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 32m<sup>2</sup>.

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng ứng dụng băng thông rộng cáp quang phủ sóng trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Định hướng đến năm 2030, phổ cập dịch vụ ứng dụng mạng Internet băng thông rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%, tỷ lệ trạm thu phát sóng di động có yếu tố thân thiện môi trường, dùng chung hạ tầng đạt 35 - 40%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP toàn tỉnh khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn. Tỉnh Lâm Đồng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững**

- Ban hành cơ chế, chính sách, ưu tiên cho phát triển đô thị động lực theo hướng bền vững, kinh tế xanh và phát triển hệ thống đô thị tại những địa bàn vùng đồi núi, vùng có tính trọng yếu về quốc phòng, an ninh, các đô thị có nhiều di tích lịch sử, di sản văn hoá, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ. Khắc phục triệt để tình trạng nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi cho các địa phương trong xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như: Bảo vệ nguồn nước, kết nối hạ tầng, quản lý chất thải, sử dụng tài nguyên, đất đai, vận tải công cộng, hạ tầng số và logistic; đầu tư vào kết cấu hạ tầng vùng và hạ tầng dùng chung, đặc biệt các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách điều phối và kiểm soát đối với công tác quy hoạch, sử dụng đất sản xuất, đất ở và đất xây dựng khu dân cư, khu đô thị khu công nghiệp, khu công nghệ cao, các cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng; tập trung rút ngắn các quy trình thủ tục về đất đai thực hiện các dự án đầu tư; triển khai đầy nhanh tiến độ dự án tăng cường năng lực quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh để thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chỉ số tiếp cận đất đai.

- Tạo lập hành lang pháp lý và cơ chế khuyến khích hình thành và phát triển

các quỹ đất cho phát triển nhà ở và bất động sản; có chính sách ưu đãi, khuyến khích đủ mạnh để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người thu nhập thấp, thu nhập trung bình, cải tạo, chỉnh trang đô thị, xóa bỏ nhà tạm, khu ổ phi chính thức tại các đô thị. Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước tương xứng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở; trong đó tập trung nguồn vốn giải phóng mặt bằng. Rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội. Tập trung phát triển mô hình làng đô thị xanh gắn với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, du lịch canh nông, phát huy kinh tế nông thôn đóng góp chung cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững**

- Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, phát triển đô thị mới gắn với động lực, tiềm năng từng vùng, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững; bảo đảm tính tăng bậc, liên tục, thống nhất, đầy đủ, tích hợp của hệ thống quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch nông thôn; phân định rõ các vùng trong nội dung quy hoạch đô thị và áp dụng các công cụ kiểm soát phát triển theo quy hoạch và kế hoạch; gắn quy hoạch đô thị với nguồn lực thực hiện. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa các sản phẩm quy hoạch, tranh thủ ý kiến đóng góp, phản biện xã hội trong lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc; tăng cường thi tuyển ý tưởng quy hoạch, kiến trúc, thiết kế đô thị, xây dựng hệ thống dữ liệu toàn quốc về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

- Tổ chức quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, vùng đô thị theo kế hoạch; hạn chế khai thác đất nông nghiệp manh mún, tự phát; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đô thị; tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực, sử dụng đất không hợp lý. Tập trung quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian, kể cả không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ lập quy hoạch và quản lý, bảo vệ các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Bảo đảm phân loại đất đô thị gắn với quy hoạch đô thị và mục đích sử dụng đất: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đô thị phải phù hợp với quy hoạch đô thị được phê duyệt và quy hoạch hạ tầng; kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Tập trung ưu tiên thực hiện mục tiêu về phát triển đô thị theo đúng chiến lược, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, theo quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh và từng địa phương. Hoàn thiện các quy định, chế tài để xử lý nghiêm các vi phạm trong quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền, các ngành, các cấp liên quan trong công tác lập và tổ chức thực

hiện quy hoạch đô thị,

- Tăng cường vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và người dân trong tham gia phản biện việc lập và giám sát việc thực hiện quy hoạch đô thị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quy hoạch, công bố công khai các quy hoạch, bảo đảm minh bạch, dễ tiếp cận thông tin về quy hoạch đô thị.

### **3. Xác định, tập trung đầu tư xây dựng các đô thị chức năng khu vực, dự án công trình trọng điểm để thu hút nguồn lực, tạo động lực phát triển hệ thống đô thị của tỉnh bền vững, hiện đại và đồng bộ**

- Kiến tạo mô hình phân bố không gian phát triển đô thị, khu vực hiệu quả, bền vững, hình thành được các vùng kinh tế động lực, các trung tâm kinh tế, đô thị chức năng, động lực gắn với tiềm năng, thế mạnh của từng vùng (*du lịch, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*), mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn; tạo điều kiện cho kinh tế tăng trưởng, phát triển mạnh và bền vững để Lâm Đồng trở thành đầu mối giao thương quốc tế, quốc gia và 03 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng Tây Nguyên, vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Duyên hải Nam Trung bộ; đầu mối giao thông đường bộ quan trọng của vùng Nam Tây Nguyên với các trục hành lang kinh tế trọng điểm: Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; Liên Khương - Nha Trang; Liên Khương - Buôn Ma Thuột và các tuyến Quốc lộ: 20, 55, 27, 27C, 28, 28B và đường Trường Sơn Đông.

- Phát triển các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh, làm động lực chính phát triển lan tỏa trong toàn tỉnh; tập trung ưu tiên đầu tư các dự án có vai trò tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng lĩnh vực. Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật khung kết nối với quốc tế, quốc gia và vùng, bao gồm: Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Liên Khương từ cấp 4D lên cấp 4E; xây dựng khôi phục tuyến đường sắt Đà Lạt - Tháp Chàm; các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; Liên Khương - Nha Trang, Liên Khương - Buôn Ma Thuột; các tuyến Quốc lộ: 20, 55, 27, 27C, 28, 28B và đường Trường Sơn Đông, hệ thống các tuyến đường tỉnh, các tuyến giao thông kết nối đô thị, kết nối liên vùng của thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc, đô thị Đức Trọng và một số huyện.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, chương trình phát triển đô thị gắn với ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu; cải tạo chỉnh trang đô thị; phát triển đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số; xây dựng nông thôn mới phù hợp với đô thị hóa; chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD); giải quyết khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố Đà Lạt.

- Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các tổ chức nước ngoài, các địa phương trong nước, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh Lâm Đồng.

### **4. Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu**

- Tập trung nguồn lực triển khai Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lâm

Đồng giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Quản lý và giám sát chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại trung tâm các đô thị. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân khu công nghiệp theo hướng ưu tiên bố trí đủ quỹ đất phát triển nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Đưa các chỉ tiêu về phát triển nhà ở (*trong đó, có chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội*) vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của tỉnh và của từng địa phương; bảo đảm bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

- Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lâm Đồng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và kỹ thuật diện rộng, hạ tầng số, chú trọng công tác bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện môi trường; xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Đầu tư tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, hiện đại, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ, có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. Tăng cường khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Thực hiện ngầm hoá toàn bộ các đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại trung tâm các đô thị. Triển khai đồng bộ, quyết liệt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thúc đẩy giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị; phát huy công nghệ hiện đại trong tái chế rác thải. Đầu tư xây dựng, nâng cấp nhà máy cấp nước, mở rộng mạng lưới cấp nước đô thị, không khai thác thêm nước ngầm, từng bước tiến tới đóng cửa các giếng khoan. Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư mới và các đô thị loại III trở lên trước năm 2030. Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi, hạn chế xe cá nhân, nhất là xe máy tại các đô thị lớn. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường tại đô thị.

- Nâng cấp, cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội hiện đại tại đô thị và mạng lưới cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu và định hướng phát triển hệ thống công trình dịch vụ hạ tầng xã hội và nguồn lực thực hiện vào quá trình lập và phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi đặc biệt đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn. Đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp dịch vụ đô thị. Đa dạng hoá các mô hình cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội.

## **5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị**

- Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và yêu cầu phát triển của địa phương.

- Thực hiện phân cấp và trao quyền mạnh mẽ cho các địa phương trong quản lý đô thị. Nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị các cấp. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm, nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị. Đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý đô thị, xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số ở đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình phát triển đô thị, dân cư theo quy hoạch, kế hoạch.

- Xây dựng văn hoá và lối sống đô thị văn minh. Hoàn thiện quy hoạch không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ của người dân, chú trọng tạo dựng nhiều không gian văn hóa công cộng. Rà soát tổng thể, sắp xếp lại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các đô thị theo hướng thiết thực, hiệu quả, đa năng, phục vụ rộng rãi các đối tượng, phù hợp với Chiến lược phát triển văn hoá, thể thao đến năm 2030 của tỉnh. Bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân; xã hội hoá, khuyến khích các doanh nghiệp cùng đầu tư.

- Bảo đảm quyền tự do cư trú của người dân và xoá bỏ mọi rào cản đối với dịch chuyển lao động. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được hoà nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị. Mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội tới lao động di cư. Rà soát, hoàn thiện chính sách về hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa. Thúc đẩy bình đẳng giới, có chính sách quan tâm tạo việc làm cho nữ giới tại đô thị.

- Ưu tiên nguồn lực phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị, nhất là dịch vụ giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe. Tăng đầu tư, biên chế bảo đảm phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở tại đô thị đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Hoàn thiện mô hình cơ quan kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh bảo đảm đồng bộ với quá trình phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe dân cư đô thị. Nâng cấp hạ tầng và hoàn thiện hệ thống quản lý tình huống khẩn cấp, tăng cường năng lực phòng, chống và giảm thiểu thiên tai, dịch bệnh tại các đô thị.

- Xây dựng và hoàn thiện các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quản lý đô thị phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chú trọng ứng dụng công nghệ số trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu nhanh ô nhiễm bụi, tiếng ồn; xây dựng đồng bộ hệ thống quan

trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị; chú trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị; cải thiện căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường và vệ sinh môi trường ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu nhà ở của người thu nhập thấp trong các đô thị. Có định hướng và giải pháp phát triển các vùng đệm xanh xung quanh các đô thị; phát triển các ngành sản xuất nông nghiệp xanh phục vụ đô thị.

- Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong tỉnh, quốc gia và quốc tế trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng và đô thị. Khuyến khích các đô thị tăng cường hợp tác giữa các đô thị trong tỉnh, trong nước và với các tổ chức quốc tế. Chủ động, tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế.

## **6. Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị**

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển đô thị trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực; xây dựng và phát triển chính quyền số; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Đẩy nhanh việc di dời có trật tự các cơ sở sản xuất chế biến, chế tạo thâm dụng lao động, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm các đô thị.

- Khuyến khích phát triển các đô thị chức năng mới, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với chức năng, tiềm lực của từng vùng; phát triển các thị tứ, thị trấn nông - công nghiệp trên cơ sở các khu dân cư nông thôn hiện có trở thành các trung tâm dịch vụ, sản xuất, chế biến, cung cấp thực phẩm, nguyên liệu, chuyển giao công nghệ... Ban hành các chính sách khuyến khích và nhân rộng các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái gắn với hình thành phát triển đô thị tại các địa phương, mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các đô thị, mô hình làng đô thị xanh tại khu vực nông thôn. Khuyến khích các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đô thị. Khuyến khích các đô thị hợp tác, xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của địa phương.

- Quản lý chặt chẽ thị trường bất động sản theo quy định pháp luật; kiểm soát và sử dụng có hiệu quả giá trị gia tăng từ đất, nhất là khi hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng; khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu ngân sách.



#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; chỉ đạo tăng cường hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân đối với việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền, quán triệt thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW và Chương trình hành động này.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Tuyên giáo Trung ương,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**

**Trần Đức Quận**